

Bàn về mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

VŨ XUÂN DŨNG

Tăng trưởng kinh tế bền vững, kiểm soát và duy trì lạm phát ở mức hợp lý luôn là mục tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng hàng đầu của các quốc gia. Tuy nhiên, giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế lại có mối quan hệ phức tạp, nhiều chiều và có thể thay đổi theo thời gian. Việc nhận biết quy luật tương tác giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế lại là bài toán không dễ tìm được lời giải trong điều kiện kinh tế thị trường liên tục biến đổi hiện nay. Ở Việt Nam, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, việc nhận dạng quy luật và lượng hóa mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách vĩ mô của Nhà nước đã và đang thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách. Bài viết tổng hợp một số kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa lạm phát với tăng trưởng kinh tế, liên hệ với thực tế ở Việt Nam và đưa ra một số gợi ý cho việc định hướng chính sách vĩ mô của Nhà nước nhằm phát huy sự tương tác tích cực giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế.

1. Một số cơ sở lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm về quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế

Trong kinh tế thị trường, tăng trưởng kinh tế được biểu thị và đo lường bằng sự gia tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP - gross domestic products) hay tổng sản phẩm quốc dân (GNP - gross national products) hoặc quy mô tổng sản lượng quốc gia tính theo đầu người (PCI - per capita income) trong một khoảng thời gian nhất định và thường được tính trong 1 năm. Theo các nhà kinh tế học, sự tăng trưởng kinh tế là kết quả của việc sử dụng tổng hợp các yếu tố bao gồm lao động, vốn và các yếu tố khác (được gọi là nhân tố năng suất tổng hợp - TFP).

Lạm phát được tiếp cận theo nhiều cách khác nhau. Các Mác cho rằng lạm phát là hiện tượng tiền được cung ứng với khối lượng nhiều hơn mức cần thiết trong lưu thông hay là hiện tượng do khối lượng tiền thực tế trong lưu thông lớn hơn khối lượng tiền cần thiết. Theo Samuelson, lạm phát xảy ra khi mức chung của giá cả và chi phí gia tăng. Còn Milton Friedman lại quan niệm rằng lạm phát bao giờ và ở đâu cũng là một hiện tượng tiền tệ, được biểu hiện ở việc giá cả tăng

nhanh và kéo dài. Keynes tán thành ý kiến đó của Friedman và cho rằng khi thị trường tiền tệ phát triển, ảnh hưởng đến nền kinh tế quốc dân thì lạm phát có thể xảy ra bất kỳ thời điểm nào. Một số nhà kinh tế học khác quan niệm rằng lạm phát là sự tăng lên của mức giá trung bình theo thời gian. Như vậy, có thể xem lạm phát là sự suy giảm sức mua của tiền tệ và được biểu thị bằng sự gia tăng của mức giá chung trong nền kinh tế.

Hiện nay, có nhiều lý thuyết nghiên cứu về mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Các nhà kinh tế học theo trường phái cổ điển cho rằng để hướng tới tăng trưởng thì cần phải thúc đẩy tiết kiệm và đầu tư. Keynes đã đưa ra mô hình đường tổng cung và đường tổng cầu (AD-AS) để biểu thị mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng. Theo Keynes, trong ngắn hạn, lạm phát và tăng trưởng sẽ di chuyển cùng chiều, nghĩa là muốn cho tỷ lệ tăng trưởng cao thì phải chấp nhận một tỷ lệ lạm phát nhất định. Tuy nhiên, sau giai đoạn này, nếu tiếp tục chấp nhận gia tăng lạm phát để thúc đẩy tăng trưởng thì GDP sẽ không tăng thêm mà

Vũ Xuân Dũng, TS., Trường đại học Thương mại

có xu hướng giảm đi. Trường phái tân cổ điển nhấn mạnh đến việc cần phải xác định ảnh hưởng của lạm phát đến tăng trưởng thông qua sự ảnh hưởng của lạm phát đến việc thu hút vốn cho đầu tư và tích lũy. Các nhà kinh tế học theo trường phái tiền tệ lại coi trọng vai trò của tăng trưởng tiền tệ và cho rằng khi tăng trưởng cung tiền không vượt quá tốc độ tăng trưởng kinh tế thì sẽ không gây nên lạm phát.

Nhiều nghiên cứu lý thuyết về kinh tế cũng khẳng định rằng lạm phát có thể tác động cả tiêu cực lẫn tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Mundell (1965) và Tobin (1965) cho rằng lạm phát và tăng trưởng kinh tế có tương quan thuận chiều. Các nhà kinh tế học theo trường phái Keynes và trường phái tiền tệ thì cho rằng, trong ngắn hạn, việc nới lỏng tiền tệ sẽ kích thích tăng trưởng kinh tế nhưng đồng thời làm gia tăng lạm phát. Mubarik (2005) cũng cho rằng, nếu lạm phát được duy trì ở mức vừa phải thì sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Trên thực tế, các nghiên cứu thực nghiệm cho rằng lạm phát có thể tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế khi nó vượt quá ngưỡng nào đó. Ngay cả khi lạm phát bằng 0 hoặc xảy ra thiếu hụt cũng có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Fisher (1993) là người đầu tiên đưa ra kết luận rằng khi lạm phát ở mức độ thấp thì mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng có thể không tồn tại hoặc mang tính đồng biến, còn khi lạm phát ở mức độ cao thì mối quan hệ đó là nghịch biến. Khan và Senhadji (2001) đã nghiên cứu thực nghiệm với số liệu của 140 quốc gia và đưa ra khẳng định rằng, nếu lạm phát ở dưới một ngưỡng nào đó thì có thể không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và nếu lạm phát trên ngưỡng đó sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Theo Khan và Senhadji thì ngưỡng lạm phát cho các nước phát triển là từ 1-3% và cho các nước đang phát triển là từ 7-11%. Nghiên cứu thực nghiệm của Li (2006) dựa trên số liệu của 90 nước đang phát triển giai đoạn 1961-2004 đã

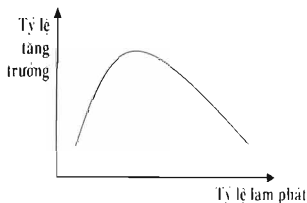
tìm ra ngưỡng lạm phát cho các nước này là 14%. Christoffersen và Doyle (1998) đã tìm ra ngưỡng lạm phát cho các nền kinh tế chuyển đổi là 13% và nghiên cứu gần đây của Khan (2005) đã xác định ngưỡng lạm phát cho các nước Trung Đông và Trung Á là khoảng 3,2%.

Như vậy, có nhiều trường phái nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm về mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Mặc dù mỗi trường phái đều dựa trên những mô hình nghiên cứu riêng và đưa ra những kết luận mang sắc thái riêng, song chúng ta có thể nhận thấy rằng:

(1) Các trường phái đều khẳng định mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng không phải là mối quan hệ một chiều, mà là sự tác động nhiều chiều dựa trên sự truyền dẫn chủ yếu qua kênh tiết kiệm và đầu tư. Trong ngắn hạn, khi lạm phát ở mức thấp thì lạm phát và tăng trưởng kinh tế thường có mối quan hệ thuận chiều. Tuy nhiên, khi gia tăng đầu tư liên tục vượt quá khả năng hấp thụ của nền kinh tế, làm cho lạm phát vượt quá ngưỡng nào đó, sẽ tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Nói cách khác, lạm phát và tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ theo dạng đường cong hình chữ U ngược (xem hình 1). Trong đó, đỉnh của đường cong là ngưỡng lạm phát tối ưu.

(2) Mỗi quốc gia hoặc nhóm quốc gia có điều kiện tương tự như nhau thì có một ngưỡng lạm phát tối ưu khác nhau trong từng giai đoạn phát triển nhất định.

HÌNH 1: Mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế



2. Thực trạng quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986, Việt Nam đã bắt đầu thực hiện công cuộc chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. Kể từ đó đến nay, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận về phát triển kinh tế xã hội, song cũng phải trải qua những giai đoạn thăng trầm, bất ổn về kinh tế vĩ mô, trong đó lạm phát có những diễn biến phức tạp qua các thời kỳ. Lạm phát

năm 1986 lên đến 774,7% và khi đó tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 2,79%. Trong giai đoạn 1986-1990, Đảng và Nhà nước đã thực hiện những chính sách đổi mới để khắc phục yếu kém của nền kinh tế, lạm phát đã được giảm dần song vẫn còn ở mức rất cao, tỷ lệ lạm phát bình quân giai đoạn này là 300,48% và khi đó tỷ lệ tăng trưởng kinh tế rất thấp với tốc độ tăng GDP bình quân chỉ đạt 4,4%, hiệu số giữa tỷ lệ tăng trưởng kinh tế và lạm phát ở mức -296,08% (xem bảng 1).

BẢNG 1: Hiệu số giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát ở Việt Nam

Giai đoạn	Tăng trưởng GDP bình quân (%)	Lạm phát bình quân (%)	Hiệu số tăng trưởng và lạm phát
(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)
1986-1990	4,4	300,48	-296,08
1991-1995	8,2	20,39	-12,19
1996-2000	8,08	3,6	4,48
2001-2005	7,82	5,14	2,68
2006-2010	7	11,48	-4,48
2011-2012	5,46	12,45	-6,99

Nguồn: Tổng cục Thống kê

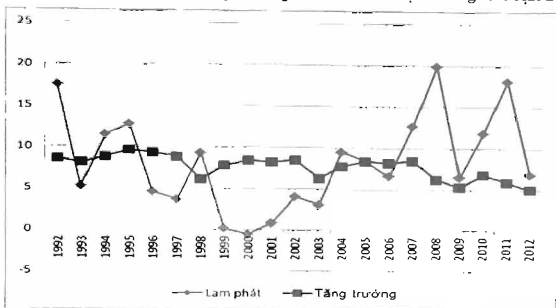
Từ năm 1991 đến năm 1995, lạm phát được tiếp tục hạ thấp từ mức 67,5% năm 1991 xuống mức 17,5% năm 1992 và còn 12,7% năm 1995. Khi đó, tăng trưởng kinh tế được cải thiện rõ nét, tỷ lệ tăng GDP từ mức 5,96% năm 1991 đã tăng lên đến 8,65% năm 1992 và đạt mức kỷ lục 9,54% năm 1995. Xét bình quân giai đoạn này, tỷ lệ lạm phát đã giảm xuống còn 20,39% và tỷ lệ tăng trưởng kinh tế được đẩy lên mức 8,2%. Trong giai đoạn 1996-2000, tỷ lệ lạm phát tiếp tục được giảm thấp ở các năm 1996, 1997 lần lượt là 4,5%, 3,6%. Khi đó, tỷ lệ tăng GDP tiếp tục được duy trì ở mức khá cao, lần lượt là 9,34% và 8,15%. Tuy nhiên, từ năm 1998 đến năm 2000, mặc dù những năm này có tỷ lệ lạm phát rất thấp, thậm chí chỉ còn -0,6% năm 2000, song tác động của khủng hoảng tài chính khu vực Châu Á trong giai đoạn này đã làm cho tỷ lệ tăng trưởng kinh tế giảm sút đáng kể, tỷ lệ tăng GDP chỉ còn mức 4,77% năm 1999 và ở mức 6,79% năm 2000. Hiệu số giữa tỷ lệ tăng trưởng kinh tế và lạm phát giai đoạn này đạt mức kỷ lục 4,48%. Từ năm 2001 đến năm 2005,

đây là thời kỳ kinh tế vĩ mô khá ổn định, lạm phát tiếp tục được kiểm soát và duy trì ở mức thấp, bình quân chỉ còn 5,14%. Khi đó, tăng trưởng GDP bình quân đạt 7,82%. Hiệu số giữa tỷ lệ tăng trưởng kinh tế và lạm phát giai đoạn này đạt mức khá tốt 2,68%. Trong các năm 2006-2007, lạm phát được kiểm soát ở mức 8,4% và 12,63%, khi đó, tăng trưởng GDP được duy trì khá tốt và ở các mức 8,44% và 8,23%. Bước sang giai đoạn 2007-2012, nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng hơn với nền kinh tế thế giới, nên ngoài những tác động trực tiếp và tác động trễ từ chính sách tiền tệ, còn phải kể đến những tác động từ bên ngoài đến sự tăng trưởng kinh tế và lạm phát ở Việt Nam. Khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 và những yếu kém trong điều hành kinh tế vĩ mô của Việt Nam giai đoạn này đã làm cho tỷ lệ lạm phát gia tăng và tăng trưởng kinh tế giảm sút. Tỷ lệ lạm phát bình quân giai đoạn 2006-2010 là 11,48%, trong khi đó, tỷ lệ tăng trưởng GDP bình quân chỉ còn 7%. Trong hai năm 2011-2012, tỷ lệ lạm phát bị đẩy lên khá cao.

binh quân ở mức 12,45%. Khi đó, tỷ lệ tăng trưởng GDP bình quân chỉ còn 5,46% và hiệu số

giữa tỷ lệ tăng trưởng kinh tế và lạm phát giai đoạn này ở mức -6,99%.

HÌNH 2: Diễn biến lạm phát và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2002-2012



Nhìn một cách tổng thể (xem hình 2), ở các giai đoạn 1995-1997, 2000-2002, 2005-2007 khi mà lạm phát có xu hướng giảm và được kiểm soát, duy trì ở mức thấp thì tỷ lệ tăng trưởng GDP có xu hướng tăng và ở mức cao. Ngược lại, trong các năm 1991-1992, 1998, 2008-2012, khi mà lạm phát có xu hướng tăng và ở mức cao thì tỷ lệ tăng trưởng GDP lại có xu hướng giảm và ở mức thấp. Cũng có những thời kỳ mà điển hình là năm 1998, 2003, 2009, lạm phát giảm và tỷ lệ tăng trưởng GDP cũng giảm theo. Tuy nhiên, về tổng thể, chúng ta có thể nhận thấy rằng, mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam diễn ra hoàn toàn phù hợp với các kết luận rút ra từ các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm kể trên.

3. Ngưỡng lạm phát tối ưu của Việt Nam

Các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm về mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở trên đã chỉ ra rằng, trong những giai đoạn nhất định, mỗi nước hoặc nhóm nước có điều kiện tương đồng với nhau đều có một ngưỡng lạm phát nào đó (gọi là ngưỡng lạm phát tối ưu), mà nếu vượt quá ngưỡng đó thì lạm phát và tăng trưởng kinh tế sẽ có quan hệ ngược chiều. Ở Việt Nam, cho đến nay chưa có nghiên cứu đầy đủ nào về ngưỡng lạm phát tối ưu. Theo kết

quả nghiên cứu của IMF (2006), mức lạm phát tối ưu cho tăng trưởng kinh tế của các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam là khoảng 3,6%. Tuy nhiên, các chuyên gia kinh tế ở Việt Nam lại cho rằng ngưỡng này không phù hợp với điều kiện hiện tại ở Việt Nam mà chỉ là mục tiêu hướng đến trong tương lai.

Trong nhiều năm qua, Việt Nam thực hiện mô hình tăng trưởng kinh tế thiên về lượng nhiều hơn là về chất. Yếu tố vốn và lao động được xem là những đóng góp chính cho kết quả tăng trưởng kinh tế, trong khi đó nhân tố năng suất tổng hợp (TFP) lại chưa được chú trọng đúng mức. Sự đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam thời gian qua chủ yếu được dựa trên sự gia tăng vốn đầu tư, sử dụng lao động giá rẻ, khai thác và xuất khẩu tài nguyên thô, thực hiện gia công hàng xuất khẩu,... trong khi đó hiệu quả sử dụng vốn thấp, chất lượng lao động còn hạn chế.... Điều này đã tạo áp lực gia tăng lạm phát trong giai đoạn 2007-2012. Dựa trên những hạn chế của mô hình tăng trưởng kinh tế thiên về lượng và các thách thức trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng, các chuyên gia kinh tế ở Việt Nam đã cho rằng ngưỡng lạm phát tối ưu của Việt Nam trong giai đoạn 2011-2015 là khoảng 7%.

4. Việt Nam cần định hướng chính sách vĩ mô như thế nào để phát huy sự tương tác tích cực giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế?

Các nghiên cứu về mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế kể trên đã cho chúng ta thấy rằng: ngưỡng lạm phát tối ưu của Việt Nam từ nay đến năm 2015 là khoảng 7%. Nếu tỷ lệ lạm phát được kiểm soát và duy trì dưới ngưỡng này thì nền kinh tế sẽ đạt trạng thái "lạm phát thấp, tăng trưởng kinh tế cao" và ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát vượt quá ngưỡng trên, quan hệ giữa tỷ lệ lạm phát và tăng trưởng GDP sẽ ngược chiều, nền kinh tế sẽ rơi vào trạng thái "lạm phát cao và tăng trưởng thấp".

Dựa trên các kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, việc kiểm soát và duy trì tình tương hỗ tích cực trong quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế cần phải được chú trọng đúng mức. Để làm được điều này, các chính sách của Nhà nước cần phải đảm bảo các định hướng cơ bản như sau:

- Trong ngắn hạn, từ nay đến năm 2015, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn và những nguy cơ bất ổn do những yếu kém nội tại như nợ xấu của các tổ chức tín dụng, hàng tồn kho của các doanh nghiệp, việc điều chỉnh giá xăng dầu, giá điện do những tác động từ bên ngoài và sự thay đổi của mặt bằng giá các yếu tố đầu vào.... Việc kiểm soát và duy trì lạm phát dưới ngưỡng 7% cần phải được đảm bảo nhằm tạo ra sự ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời tạo nền tảng cho việc phục hồi tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý. Trong giai đoạn này, song song với việc thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng nhằm duy trì lạm phát dưới ngưỡng tối ưu kể trên, nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu là thực hiện việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thiên về lượng sang mô hình tăng trưởng kinh tế thiên về chất. Sự chuyển đổi này cần phải có thời gian và những bước đi hợp lý, trong đó tái cấu trúc nền kinh tế và doanh nghiệp được xem là những động thái quan trọng để thực hiện các bước đi cần thiết trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng

trưởng kinh tế. Do đó, việc thực hiện tái cấu trúc trong từng ngành, từng lĩnh vực và của cả nền kinh tế cần phải được đảm bảo đúng tiến độ, lộ trình đã đặt ra.

- Về lâu dài, khi các chương trình tái cấu trúc nền kinh tế và doanh nghiệp được thực hiện thành công, các yếu kém trầm trọng như nợ xấu của các tổ chức tín dụng, tồn kho của doanh nghiệp, hoạt động kém hiệu quả của khu vực DNN... được khắc phục, mô hình tăng trưởng kinh tế được chuyển đổi sang tăng trưởng thiên về chất nhiều hơn, lúc đó ngưỡng lạm phát tối ưu sẽ tiếp tục cần được giảm xuống và có thể tiệm cận với mức 3,6% như khuyến cáo của IMF. Lúc này, việc điều hành vĩ mô của Nhà nước cần phải đảm bảo tỷ lệ lạm phát không vượt ngưỡng tối ưu mới kể trên, nhằm tạo ra sự tương tác tích cực của lạm phát đến tăng trưởng kinh tế.J.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Fisher, S (1993), *The roles of Macro-economic factors in Growth*. Journal of Monetary Economics, Vol. 32.
2. Frederic S.Mishkin (1997). *Strategies for controlling inflation*. Working paper.
3. Khan, M and Senhaji, A (2001) *Threshold effects in the relationship between inflation and growth*. IMF working paper WP/00/10. IMF Staf Paper. Vol. 48
4. Mubarik, Y. A. (2005). *Inflation and Growth: An Estimate of the threshold point for Nepal*, SPB-Research Bulletin.
5. Peter Doyle & Peter F. Christoffersen (1998), *From inflation to growth - Eight years of transition*, IMF working paper 98/100, IMF.
6. Đào Duy Hoàng (2012), *Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam phù hợp với hội nhập quốc tế*, Tạp chí Phát triển và hội nhập.
7. Nguyễn Thị Lan Hương (2011), *Xây dựng mô hình đánh giá quan hệ giữa tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp bộ, Bộ Kế hoạch và đầu tư.
8. Nguyễn Thị Kim Thanh (2012), *Tác động của tăng trưởng tín dụng đến tăng trưởng và lạm phát*, Ngân hàng Nhà nước.
9. Nguyễn Bích Lâm (2013), *Mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế*, Hội thảo khoa học về lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, Học viện Chính sách và phát triển.